

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

V/v: “Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển
kinh tế - xã hội huyện Bình Long giai đoạn 2001 - 2010”.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003.
- Căn cứ Nghị định số 17/2003/NĐ-CP ngày 20/3/2003 của Chính phủ về việc thành lập huyện Bình Long, thuộc tỉnh Bình Phước.
- Căn cứ Chỉ thị số 32/1998/CT-TTg ngày 23/9/1998 của Thủ tướng Chính phủ về công tác quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội thời kỳ đến năm 2010.
- Căn cứ vào đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển kinh tế – xã hội huyện Bình Long từ nay đến năm 2010.
- Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 84/BCTĐ- KHĐT ngày 02/02/2005.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1: Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội huyện Bình Long giai đoạn 2001 – 2010 với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Trên cơ sở thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên và nguồn nhân lực, khi xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội phải thể hiện quan điểm dựa vào các nguồn lực nội tại là chính, tuy nhiên cần tranh thủ tối đa các yếu tố bên ngoài nhất là vốn đầu tư để phát triển bền vững trong những thập kỷ tới.
2. Phát triển kinh tế – xã hội cần đảm bảo hài hòa giữa các vùng lãnh thổ trên địa bàn huyện nhằm khắc phục tình trạng phân bố không đều về các nguồn lực trong mỗi tiểu vùng. Đẩy mạnh phát triển các khu cụm công nghiệp chủ đạo và mũi nhọn tạo điều kiện hỗ trợ cho các tiểu vùng có ưu thế về nguồn nguyên

liệu, nhưng không có khả năng đáp ứng về cơ sở vật chất, trình độ kỹ thuật và nguồn nhân lực.

3. Hợp tác với các huyện, tỉnh, địa phương khác nhằm tập trung được sức người, sức của, nguồn vốn, tiến bộ khoa học kỹ thuật và thị trường, tạo ra sức mạnh tổng thể để khai thác các nguồn lực hiện có. Tập trung đầu tư những ngành, lĩnh vực có nhiều lợi thế so sánh nhằm tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường.

4. Phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ và hài hòa với phát triển xã hội và an ninh quốc phòng. Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội để phát triển thị trấn An Lộc và những vùng khó khăn; xây dựng các cụm dân cư phát triển mạnh về kinh tế – xã hội vững chắc về an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện.

5. Phát triển kinh tế kết hợp với việc bảo vệ và tiến tới phát triển môi trường bền vững. Các dự án phát triển kinh tế cần phải nghiên cứu xem xét đánh giá tác động của môi trường.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU

+ Phấn đấu tăng GDP bình quân đầu người đạt 482 USD vào năm 2005, 671 USD vào năm 2010.

+ Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm của giai đoạn 2001 – 2010 đạt 11,5% trong đó giai đoạn 2001 – 2005 đạt 13,8% và giai đoạn 2006 – 2010 đạt 9,4%.

+ Đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Giai đoạn 2001 – 2005 nhịp độ tăng bình quân ngành công nghiệp – xây dựng là 21,8% và giai đoạn 2006 – 2010 là 44,0%; cơ cấu kinh tế vào các giai đoạn như sau:

* **Năm 2005:** Ngành nông lâm nghiệp chiếm 80,9%, công nghiệp – xây dựng 3,3% và dịch vụ là 15,8% trong GDP.

* **Năm 2010:** Ngành nông lâm nghiệp chiếm 64,4%, công nghiệp – xây dựng là 12,9% và dịch vụ là 22,7% trong GDP

* Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia, của tỉnh trên các lĩnh vực văn hóa – xã hội. Đặc biệt chăm lo về giáo dục - đào tạo nhằm nâng cao nguồn nhân lực, mặt bằng dân trí và các chính sách xã hội khác.

III. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU

1. Về phát triển ngành nông lâm nghiệp (KV I): Phát triển ngành nông nghiệp toàn diện và cân đối. Ưu tiên phát triển các loại cây công nghiệp dài ngày và rau quả. Tập trung phát triển các loại cây công nghiệp mũi nhọn, có triển vọng như: cao su, điều, tiêu. Phấn đấu đến năm 2010 đạt được như sau:

Tổng diện tích cây cao su 26.500 ha trong đó diện tích cho sản phẩm 22.000ha. Cây điều 11.300 ha và cây tiêu 4.000 ha.

Phát triển mạnh đàn trâu, bò; đẩy mạnh phát triển đàn heo nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp thịt trên địa bàn và các địa bàn lân cận. Đến năm 2010, phần đầu tổng đàn trâu đạt 6.500 con, đàn bò đạt 18.000 con và đàn heo đạt 25.000 con, tổng đàn gia cầm 500.000 con.

2. Phát triển công nghiệp – xây dựng (KV II): Phần đầu đạt nhịp độ tăng trưởng ngành công nghiệp xây dựng giai đoạn 2001 – 2005 là 21,8% và giai đoạn 2006 – 2010 là 44,0%. Tập trung phát triển các ngành chế biến nông sản phẩm, đặc biệt chế biến cao su, điều, tiêu, trái cây... nhằm nhanh chóng tăng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp, đồng thời tạo thêm nhiều việc làm, góp phần tăng thu nhập, nâng cao mức sống của người lao động, xóa đói giảm nghèo ở những vùng có thu nhập thấp. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để sớm hoàn thành nhà máy xi măng Thanh Lương và các khu cụm công nghiệp: như An Lộc, Minh Đức. Phát triển công nghiệp gắn với quy hoạch phát triển đô thị, đảm bảo giữ gìn các di sản thiên nhiên, các công trình văn hóa lịch sử có giá trị.

3. Về phát triển thương mại – dịch vụ (KV III): Phần đầu phát triển các ngành dịch vụ có nhịp độ tăng trưởng giai đoạn 2001 – 2010 đạt 16,4% trong đó giai đoạn 2006 – 2010 đạt 17,7%. Gắn phát triển ngành thương mại – dịch vụ với việc đẩy mạnh phát triển sản xuất trên địa bàn. Tập trung kinh doanh những sản phẩm có nhiều lợi thế so sánh, sử dụng tối đa nguồn tài nguyên sẵn có, hợp tác giữa các vùng trong huyện và trong tỉnh. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển nội thương và ngoại thương. Tăng nhanh các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là: hàng nông, - lâm – thủy sản như cao su, tiêu, điều... và những mặt hàng gia công sử dụng nhiều lao động. Nhập khẩu những mặt hàng chủ yếu là máy móc, thiết bị, nguyên liệu phục vụ sản xuất. Hình thành trung tâm thương mại ở thị trấn An Lộc và các địa bàn tập trung.

4. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng: củng cố và hoàn thiện hệ thống giao thông gồm mạng lưới quốc lộ, huyện lộ và giao thông nông thôn, đặc biệt giao thông của thị trấn An Lộc. Nâng cấp và mở mới một số tuyến chính tỉnh lộ, nâng cấp các tuyến đường liên xã thành đường huyện nối kết các đường giao thông nông thôn của các xã. Hoàn chỉnh mạng lưới điện quốc gia trên địa bàn tới tất cả các trung tâm xã và trong toàn huyện. Tăng tỷ lệ hộ dùng điện lên 60% năm 2005 và 75% năm 2010. Nâng cao năng lực cung cấp nước sạch cho thị trấn An lộc và cho các vùng nông thôn, xây dựng các công trình cung cấp nước tập trung theo cụm dân cư. Phần đầu đến năm 2005 số máy điện thoại thuê bao trong toàn huyện đạt bình quân 4,8 máy/100 dân năm 2005 và 9 máy/100 dân vào năm 2010.

5. Về phát triển văn hóa – xã hội: Quy hoạch đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý, KHKT. Tranh thủ thu hút chất xám, khuyến khích cán bộ KHKT các ngành ngoài huyện và sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học trở về công tác và hợp tác với huyện nhà. Tiếp tục đổi mới tạo chuyển biến căn bản và toàn diện về phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo, phát triển hệ thống dạy nghề, nâng cấp chất lượng nguồn nhân lực với cơ cấu hợp lý. Phấn đấu năm 2005 có 55% học sinh vào PTTH và năm 2010 đạt 75%.

Giảm tỷ lệ trẻ em chết sau khi sinh, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng. Phấn đấu 100% số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm phòng bệnh và uống vitamin chống mù lòa. Năm 2005 có 1,5 bác sĩ/1 vạn dân, năm 2010 đạt 2 bác sĩ/1 vạn dân.

Phát triển nâng cao chất lượng công tác văn hóa cộng đồng, đảm bảo thông tin nhanh, kịp thời góp phần nâng cao dân trí và hưởng thụ các sản phẩm văn hóa cho nhân dân. Xây dựng các mô hình văn hóa xã, phường, tăng cường công tác thông tin cổ động để phổ biến tin tức kịp thời, tăng cường hoạt động biểu diễn văn nghệ quần chúng... Phát triển hệ thống trung tâm văn hóa thể thao dân lập, trung tâm bưu điện văn hóa xã. Phấn đấu đến năm 2005 toàn huyện có 95% số hộ nghe được Đài tiếng Việt Nam; 90% số hộ xem truyền hình và đến năm 2010 đạt 100%.

Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng. Phát triển công tác thể dục thể thao ở các trường học và lực lượng vũ trang.

Phấn đấu đến năm 2010 cơ bản huyện không còn hộ nghèo.

6. Củng cố xây dựng hệ thống quốc phòng toàn dân vững mạnh: Xây dựng chiến lược phòng thủ theo thể trận quốc phòng toàn dân. Đảm bảo phát triển kinh tế gắn với an ninh kinh tế, phát triển kinh tế gắn với an ninh xã hội, an ninh quốc phòng

IV. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về huy động vốn đầu tư phát triển: Vốn ngân sách Nhà nước (ngân sách huyện, tỉnh, TW): dự kiến đáp ứng được khoảng 32% so với nhu cầu đầu tư phát triển năm 2005 và 25,0% năm 2010.

Huy động vốn từ các doanh nghiệp : khả năng thu hút được khoảng 15% năm 2005 và 19% năm 2010 so tổng nhu cầu đầu tư phát triển.

Huy động vốn trong dân: với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm khả năng thu hút nguồn vốn trong dân để tham gia đầu tư phát triển trên địa bàn đạt 50% năm 2005 và 50% năm 2010.

Huy động vốn ngoài nước (nguồn đầu tư trực tiếp, viện trợ phát triển chính thức): dự kiến đạt khoảng 3% năm 2005 và 6% năm 2010 so tổng nhu cầu.

2. Huy động nhân lực: Tiến hành sắp xếp tổ chức lại sản xuất trên địa bàn, chính sách thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế... nhằm giải quyết việc làm và tăng số lượng lao động tham gia hoạt động trong các ngành kinh tế. Khuyến khích đào tạo, nâng cao trình độ người lao động. Phát triển trung tâm dạy nghề, có chính sách hợp lý thu hút lực lượng lao động về địa phương.

3. Chính sách đất đai: Tiếp tục giao đất về đến từng gia đình. Cho thuê đất dài hạn, thực hiện phương thức đấu giá chuyển quyền sử dụng đất nhằm tạo ra nguồn vốn đầu tư cho địa phương, cho phép cá nhân trao đổi quyền sử dụng đất đai theo đúng Luật đất đai và pháp luật Nhà nước. Bố trí nguồn tài nguyên một cách hợp lý giữa các ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế.

4. Mở rộng thị trường: Đẩy mạnh sản xuất song song với mở rộng thị trường cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm. Coi trọng cả thị trường trong nước và thị trường ngoài nước, cả thị trường truyền thống và thị trường mới. Tăng cường việc nghiên cứu thị trường, xây dựng chính sách tiếp cận, chiếm lĩnh và mở rộng thị phần.

5. Tổ chức sản xuất xã hội: Tiếp tục kiên trì thực hiện công cuộc đổi mới, không ngừng hoàn thiện cơ chế quản lý tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế cùng phát huy hiệu quả hoạt động, với phương châm là chống độc quyền, khuyến khích các thành phần kinh tế cùng phát triển theo định hướng của Nhà nước. Phát triển kinh tế hợp tác xã. Khuyến khích thành phần kinh tế tư nhân phát triển nhằm huy động tổng lực các nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững. Phát triển kinh tế hộ gia đình, thúc đẩy mô hình kinh tế trang trại hoặc tổ hợp sản xuất công – nông nghiệp phát triển nhằm nhanh chóng đạt mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

6. Phát triển khoa học – công nghệ và bảo vệ môi trường: Tập trung nghiên cứu chuyển giao công nghệ ngành sản phẩm cao su, công nghệ chế biến hạt điều, cây ăn trái và nước giải khát... Đẩy nhanh việc nghiên cứu công nghệ sản xuất vật phẩm tiêu dùng. Từng bước nghiên cứu chuyển giao công nghệ tin học ứng dụng. Nghiên cứu ứng dụng các loại cây trồng mới, có tính chống chịu cao, năng suất cao thích ứng với điều kiện sinh thái của huyện. Tổ chức tốt dịch vụ khuyến nông, khuyến ngư và những dịch vụ tiêu thụ sản phẩm công nghiệp.

Bảo vệ tốt môi trường du lịch, môi trường đô thị, khu công nghiệp và khu vực công nghiệp – nông thôn.

ĐIỀU 2: Căn cứ vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội trên đây, UBND huyện phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh xây dựng chỉ tiêu kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm và các giải pháp thực hiện nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu đã đề ra.

ĐIỀU 3: Các Ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên & Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công nghiệp, Sở Giao thông – Vận tải, Sở Thương mại – Du lịch, Sở Giáo dục & Đào tạo, Sở Văn hoá – Thông tin, Sở Y tế, Sở Thể dục Thể thao, Sở Lao động Thương binh & Xã hội, Sở Khoa học Công nghệ, Đài Phát thanh – Truyền hình, Chủ tịch UBND huyện Bình Long và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Cán Hưng

Nơi nhận:

- + CT, PCT.
- + Như điều 3.
- + LĐVP, CV: KT, SX, VX, TH.
- + Lưu VT.